

Số : 1051/QĐ-UBND

Vạn Ninh, ngày 13 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách huyện Vạn Ninh Quý 3 năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XII, kỳ họp thứ 5 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Vạn Ninh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 29/06/2022 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XII, kỳ họp thứ 8 về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND huyện Vạn Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2022 tại Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 21/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Vạn Ninh Quý 3 năm 2022, gồm có 3 biểu đính kèm (Biểu số 93/CK-NSNN, biểu số 94/CK-NSNN, biểu số 95/CK-NSNN).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa;
- TT HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy Vạn Ninh;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Đăng tải Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, VP HĐND và UBND, Phòng TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đàm Ngọc Quang

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 3 NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1051 ngày 13 / 10 /2022 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022		Thực hiện Quý 3	So sánh ước thực hiện với (%)	
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	158.540	158.540	47.918	30,22	25,72
I	Thu cân đối NSNN	158.540	158.540	47.918	30,22	108,59
1	Thu nội địa	158.540	158.540	47.918	30,22	108,59
2	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					0,00
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	606.888	606.888	154.850	25,52	127,22
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	606.888	606.888	154.850	25,52	127,22
1	Chi đầu tư phát triển	115.104	109.104	37.915	34,75	207,58
2	Chi thường xuyên	479.984	485.984	116.935	24,06	113,04
3	Dự phòng ngân sách	11.800	11.800			
4	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL		0			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh					

Hàng: 1051/2022/QĐ-UBND

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 3 NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1051 ngày 13/10/2022 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022		Thực hiện quý 3/2022	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Số cùng kỳ năm trước	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	158.540	158.540	47.918	30,22	68.787	99,39
I	Thu nội địa	158.540	158.540	47.918	30,22	68.787	99,39
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			275		258	106,59
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			431		-	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc	49.000	49.000	14.830	30,27	26.523	55,91
3.1	- Thuế giá trị gia tăng	38.120	38.120	10.998	28,85	19.834	55,45
3.2	- Thuế TNDN	5.900	5.900	1.792	30,37	2.900	61,79
3.3	- Thuế TTĐB	180	180	105	58,33	163	64,42
3.4	- Thuế tài nguyên	4.800	4.800	1.935	40,31	3.626	53,36
3.5	- Thuế môn bài	-	-				
3.6	- Thu khác	-	-				
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.950	10.950	13.959	127,48	7.892	176,88
5	Thuế bảo vệ môi trường		-				
6	Lệ phí trước bạ	15.500	15.500	10.019	64,64	10.756	93,15
7	Thu phí, lệ phí	6.120	6.120	1.500	24,51	4.116	36,44
7.1	- Trung ương	1.050	1.050	444		643	69,05
7.2	- Tỉnh	500	500	492	98,40	1.214	40,53
7.3	- Huyện	3.770	3.770	304	8,06	1.078	28,20
7.4	- Xã	800	800	260	32,50	1.181	22,02
8	Các khoản thu về nhà, đất	65.070	65.070	2.386	3,67	12.851	18,57
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70	70	14	20,00	15	
-	Thuế chuyển quyền sử dụng đất						
-	Thu tiền sử dụng đất	60.000	60.000	1.733	2,89	9.909	17,49
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.000	1.000	39	3,90	501	7,78
-	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.000	4.000	600	15,00	2.426	24,73
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-				
10	Thu khác ngân sách	8.100	8.100	3.753	46,33	3.979	94,32
-	Cấp TW	3.000	3.000	1.652	55,07	1.656	99,76
-	Cấp tỉnh	1.500	1.500	549	36,60	441	
-	Cấp huyện	1.600	1.600	608	38,00	481	126,40
-	Cấp xã	2.000	2.000	944	47,20	1.401	

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022		Thực hiện quý 3/2022	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Số cùng kỳ năm trước	Cùng kỳ năm trước
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	3.800	3.800	765		2.412	31,72
II	Thu viện trợ						
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	144.387	144.387	43.962	30,45	47.093	93,35
1	Từ các khoản thu phân chia	54.047	54.047	26.317	48,69	16.486	159,63
1.1	Thu từ khu vực NQD:	43.316	43.316	12.637	29,17	16.486	76,65
1.2	Thuế thu nhập cá nhân	10.731	10.731	13.680	127,48	3.596	380,42
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	90.340	90.340	17.645	19,53	30.607	57,65

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 3 NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1051 ngày 13/10 / 2022 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện quý 3/2022	So sánh ước thực hiện với (%)		
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm huyện	Số cùng kỳ năm trước	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/2	5	6
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	606.888	606.888	154.850	25,52	258.569	59,89
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	606.888	606.888	154.850	25,52	258.569	59,89
I	Chi đầu tư phát triển	115.104	109.104	37.915	34,75	45.900	82,60
II	Chi thường xuyên	479.984	485.984	116.935	24,06	212.669	54,98
	<i>Trong đó:</i>						
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	240.406	240.406	53.983	22,45	106.333	50,77
2	Chi khoa học và công nghệ						
3	Chi y tế, dân số và gia đình	5.056	5.056			4.446	
4	Chi văn hóa thông tin	3.517	3.517	1.101	31,31	1.758	62,63
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.129	1.129	75	6,64	294	25,51
6	Chi thể dục thể thao	618	618	119	19,26	424	28,07
7	Chi bảo vệ môi trường	2.000	4.182	1.071	25,61	1.619	66,15
8	Chi hoạt động kinh tế	63.129	64.447	12.467	19,34	18.390	67,79
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	90.421	92.921	24.690	26,57	47.315	52,18
10	Chi bảo đảm xã hội	52.110	52.110	17.203	33,01	23.138	74,35
11	Chi trợ giá hàng chính sách						
12	Chi An ninh - Quốc phòng	18.671	18.671	5.812	31,13	6.500	89,42
13	Chi khác	2.927	2.927	414	14,14	2.452	16,88
III	Dự phòng ngân sách	11.800	11.800				
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương						
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia						
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư						
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên						

